

Số: 25/2020/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 17 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức ngân sách Nhà nước đảm bảo, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 1475/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định mức ngân sách Nhà nước đảm bảo, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy định mức ngân sách Nhà nước đảm bảo, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Mức ngân sách nhà nước đảm bảo, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; mức đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện (hoặc gia đình người cai nghiện ma túy) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ quan, tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

b) Người nghiện ma túy cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng vào cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Người nghiện ma túy cư trú trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đăng ký tham gia chữa trị, cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

Người cai nghiện ma túy tự nguyện được hưởng hỗ trợ 01 lần cai nghiện, thời gian hỗ trợ tối đa là 06 tháng. Nếu cai nghiện tự nguyện từ lần 02 trở lên sẽ không được hỗ trợ và phải đóng 100% chi phí theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị quyết này.

4. Mức hỗ trợ và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a) Mức hỗ trợ

100% tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần. Mức chi, theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

Người cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc đối tượng thương binh, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng được hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS), mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh,

chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ; được hỗ trợ 95% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Hỗ trợ 100% chi phí chỗ ở.

b) Mức đóng góp

Người cai nghiện ma túy tự nguyện thuộc đối tượng thương binh, người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa, trẻ mồ côi, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng phải đóng 5% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) và đóng 5% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường. Các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện khác phải đóng 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) và đóng 100% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội, thuốc chữa bệnh thông thường. Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập, theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

Tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân đóng góp bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài giờ học tập và lao động: 150.000 đồng/học viên/lần cai nghiện.

Tiền điện, nước sinh hoạt, vệ sinh: 80.000 đồng/học viên/tháng.

5. Mức hỗ trợ và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

a) Mức hỗ trợ

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ 100% tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy. Mức chi, theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

b) Mức đóng góp

Người cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng không thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật phải đóng 100% tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy. Mức chi, theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

Tiền sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm tìm chất ma túy thực hiện theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh của cấp có thẩm quyền quy định.

Tiền ăn trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện tập trung tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/ngày.

Tiền điện, nước sinh hoạt, vệ sinh trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng: 80.000 đồng/người/tháng.

Tiền chi phục vụ cai nghiện tại cộng đồng: 150.000 đồng/người/lần cai nghiện.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định mức đóng góp các khoản chi phí đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm Giáo dục lao động xã hội tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XVI kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./*Đn*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động - TB&XH, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo và Chuyên viên VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đàm Viết Hà